



Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

**Báo cáo tài chính Quý I năm 2010
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010
chưa được kiểm toán**

Tp. Hồ Chí Minh năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Bảng cân đối kế toán	03 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.372.009.722	49.719.542.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.166.743.931	3.931.690.168
1. Tiền	111		2.166.743.931	3.931.690.168
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		19.077.104.235	19.738.109.117
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	18.865.912.889	19.171.803.196
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	566.094.185	782.735.056
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	26.725.976	165.199.681
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(381.628.815)	(381.628.815)
IV. Hàng tồn kho	140		22.656.404.749	25.660.176.234
1. Hàng tồn kho	141	V.6	22.977.730.919	25.981.502.404
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(321.326.170)	(321.326.170)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		471.756.807	389.567.265
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	11.704.807	58.494.652
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	52.620.257
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	460.052.000	278.452.356

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.592.292.123	100.036.744.393
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		98.058.399.303	100.020.744.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	90.517.879.875	92.579.064.154
Nguyên giá	222		123.812.059.976	123.812.059.976
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.294.180.101)	(31.232.995.822)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	7.540.519.428	7.441.680.239
Nguyên giá	228		7.992.230.510	7.809.816.550
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(451.711.082)	(368.136.311)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		533.892.820	16.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	533.892.820	16.000.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		142.964.301.845	149.756.287.177

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		74.749.732.462	85.743.760.266
I. Nợ ngắn hạn	310		67.506.458.083	78.494.622.238
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	48.512.556.125	59.121.458.562
2. Phải trả người bán	312	V.15	16.595.895.320	17.445.673.835
3. Người mua trả tiền trước	313		27.599.274	24.599.114
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.258.372.272	113.451.525
5. Phải trả người lao động	315	V.17	883.871.493	1.386.357.000
6. Chi phí phải trả	316	V.18	-	130.204.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	228.163.599	272.878.202
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.243.274.379	7.249.138.028
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	7.131.306.356	7.131.306.356
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	111.968.023	117.831.672
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.214.569.383	64.012.526.911
I. Vốn chủ sở hữu	410		68.214.569.383	64.012.526.911
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	493.885.000	493.885.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.22	(6.831.972)	(6.831.972)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	(12.272.483.645)	(16.474.526.117)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		142.964.301.845	149.756.287.177

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		43.162.192	666.600
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		13.745,24	26.109,51
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Quang Phú
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2010

Lê Hoàng Vũ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45.992.976.445	42.084.800.370
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.287.000	4.295.781
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	45.991.689.445	42.080.504.589
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	35.915.228.773	35.302.852.931
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.076.460.672	6.777.651.658
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.900.561	22.409.186
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.135.167.142	2.248.349.813
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.438.524.290	2.025.517.696
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.246.479.266	1.238.089.929
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1.769.808.105	1.608.990.586
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.934.906.720	1.704.630.516
11. Thu nhập khác	31	VI.7	8.672.719	2.001.022
12. Chi phí khác	32	VI.8	61	3.013.146
13. Lợi nhuận khác	40		8.672.658	(1.012.124)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.943.579.378	1.703.618.392
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	741.536.906	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.202.042.472	1.703.618.392
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9	525	224

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Quang Phú
Kế toán trưởngLê Hoàng Vũ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.943.579.378	1.703.618.392
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 11	2.144.759.050	2.046.079.000
- Các khoản dự phòng	03		489.495.650	213.459.335
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.438.524.290	2.025.517.696
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.016.358.368	5.988.674.423
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		532.025.495	2.836.067.106
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.003.771.485	(5.616.074.532)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.398.275.533)	(4.331.011.315)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(471.102.975)	8.454.989.675
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.438.524.290)	(2.025.517.696)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(839.752.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.244.252.550	4.467.375.161
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(409.033.870)	(2.761.087.808)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(409.033.870)	(2.761.087.808)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.22	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14, 20	29.334.919.549	26.905.899.833
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14, 20	(39.935.084.466)	(28.170.439.781)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.600.164.917)	(1.264.539.948)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.764.946.237)	441.747.405
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.931.690.168	3.265.062.479
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	2.166.743.931	3.706.809.884

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Quang Phú
Kế toán trưởngLê Hoàng Vũ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán bao bì cho ngành thực phẩm; Mua bán vật tư nguyên liệu ngành bao bì.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 46
Máy móc và thiết bị	7 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 15
Tài sản cố định khác	5 - 20

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (40 năm).

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho nhân viên đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp thôi việc là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản-tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 12 năm kể từ năm 2004. Các khoản thu nhập khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính. Năm tài chính 2005 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh nên Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết là năm 2007 và 2008. Tuy nhiên, năm 2007 Công ty đang được ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp như trên nên Công ty đã đăng ký được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp do ưu đãi niêm yết vào năm 2008 và 2009 theo Công văn trả lời số 2204/CT-TTHT ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	92.907.757	415.856.120
Tiền gửi ngân hàng	2.073.836.174	3.515.834.048
Cộng	2.166.743.931	3.931.690.168

Trong đó, số dư tiền gửi ngoại tệ USD tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là 13.745,24 USD tương đương 235.140.462 VND.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	906.917.006	1.106.814.397
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	12.613.994.972	10.854.613.565
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	226.924.940	563.163.008
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	308.286.264	126.511.751
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu thực vật	266.835.800	-
Các khách hàng khác	4.542.953.907	6.520.700.475
Cộng	18.865.912.889	19.171.803.196

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm Công nghệ môi trường - Viện Môi trường và Tài nguyên	401.016.000	401.016.000
Các nhà cung cấp khác	165.078.185	381.719.055
Cộng	566.094.185	782.735.055

4. Các khoản phải thu khác

Tiền ứng mua nguyên liệu gia công phải thu lại khách hàng.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	26.828.309	26.828.309
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	94.834.576	94.834.576
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	168.123.279	168.123.279
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	91.842.651	91.842.651
Cộng	381.628.815	381.628.815

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	18.529.655.822	21.216.851.370
Công cụ, dụng cụ	30.959.160	6.178.531
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.217.033.450	947.195.239
Thành phẩm	3.017.018.086	3.725.528.102
Hàng hóa	183.064.401	85.749.162
Cộng	22.977.730.919	25.981.502.404

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho thành phẩm như sau:

Số đầu năm	321.326.170
Trích lập dự phòng	-
Số cuối kỳ	321.326.170

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Phí bảo hiểm cháy nổ	41.773.500	-	(41.773.500)	-
Phí bảo hiểm rủi ro thương mại	16.721.152	-	(5.016.345)	11.704.807
Cộng	58.494.652	-	(46.789.845)	11.704.807

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	360.052.000	80.417.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	198.035.356
Cộng	460.052.000	278.452.356

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	20.785.911.447	97.503.006.484	2.928.144.336	1.011.136.833	1.583.860.876	123.812.059.976
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Mua sắm mới	-	-	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	20.785.911.447	97.503.006.484	2.928.144.336	1.011.136.833	1.583.860.876	123.812.059.976
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	100.000.000	143.066.850	-	243.066.850
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.302.998.667	26.952.973.214	1.243.566.992	543.256.250	190.200.699	31.232.995.822
Khấu hao trong kỳ	138.831.597	1.789.232.649	70.703.607	35.090.143	27.326.283	2.061.184.279
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.441.830.264	28.742.205.863	1.314.270.599	578.346.393	217.526.982	33.294.180.101
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	18.482.912.780	70.550.033.270	1.684.577.344	467.880.583	1.393.660.177	92.579.064.154
Số cuối kỳ	18.344.081.183	68.760.800.621	1.613.873.737	432.790.440	1.366.333.894	90.517.879.875
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 113.721.099.398 VND và 85.083.608.365 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.152.082.020	657.734.530	7.809.816.550
Mua trong kỳ	-	182.413.960	182.413.960
Số cuối kỳ	7.152.082.020	840.148.490	7.992.230.510
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	178.430.316	189.705.995	368.136.311
Khấu hao trong kỳ	44.607.579	38.967.192	83.574.771
Số cuối kỳ	223.037.895	228.673.187	451.711.082
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.973.651.704	468.028.535	7.441.680.239
Số cuối kỳ	6.929.044.125	611.475.303	7.540.519.428
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-
XDCB dở dang	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Máy vi tính	-	32.350.909	(2.695.908)	29.655.001
Cước sử dụng internet	16.000.000	-	(3.000.000)	13.000.000
Phụ tùng thay thế	-	508.015.191	(16.777.372)	491.237.819
Cộng	16.000.000	540.366.100	(22.473.280)	533.892.820

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	39.571.035.308	46.231.651.669
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	22.637.197.328	25.862.542.929
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	16.933.837.980	16.460.785.656
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	3.908.323.084
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20)	8.941.520.817	12.889.806.893
Cộng	48.512.556.125	59.121.458.562

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại nợ vay ngoại tệ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	46.231.651.669	29.140.452.325	-	(35.792.331.166)	39.571.035.308
Vay dài hạn đến hạn trả	12.889.806.893	194.467.224	-	(4.142.753.300)	8.941.520.817
Cộng	59.121.458.562	29.334.919.549	-	(39.935.084.466)	48.512.556.125

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp khác	16.595.895.320	17.445.673.835
Cộng	16.595.895.320	17.445.673.835

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	1.460.525.058	(1.067.664.217)	392.860.841
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	380.371.240	(380.371.240)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.691.780	741.536.906	-	763.228.686
Thuế thu nhập cá nhân	91.759.745	10.523.000	-	102.282.745
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	113.451.525	2.595.956.204	(1.451.035.457)	1.258.372.272

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thành phẩm xuất khẩu	0%
Thùng carton, chai nhựa pet, nắp nút nhựa	10%
Các thu nhập khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.943.579.378
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập tính thuế	4.943.579.378
Trong đó:	
Thu nhập được hưởng ưu đãi	4.943.579.378
Thu nhập không được hưởng ưu đãi	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp được hưởng ưu đãi về thuế suất (thuế suất ưu đãi 15%)	741.536.906
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp không được hưởng ưu đãi về thuế suất (thuế suất 25%)	-
Cộng thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	741.536.906
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	741.536.906
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	741.536.906

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả nhân viên.

18. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả cho lao động thời vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	20.433.851	61.605.473
Bảo hiểm y tế	2.514	13.268.960
Bảo hiểm thất nghiệp	6.632.086	11.376.653
Kinh phí công đoàn	24.605.440	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	26.125.760	26.125.760
Các khoản phải trả khác	150.363.948	160.501.356
Cộng	228.163.599	272.878.202

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(*)	7.131.306.356	7.131.306.356
Cộng	7.131.306.356	7.131.306.356

(*) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.10).

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	8.941.520.817
Trên 1 năm đến 5 năm	7.131.306.356
Tổng nợ	16.072.827.173

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	117.831.672
Số trích lập trong kỳ	-
Sử dụng dự phòng	(5.863.649)
Số cuối kỳ	111.968.023

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	76.000.000.000	4.493.885.000	-	(23.212.156.948)	57.281.728.052
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 19:1	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ phân số lẻ khi phát hành cổ phiếu thưởng	-	-	(6.831.972)	-	(6.831.972)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.879.074.300	9.879.074.300
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(101.443.469)	(101.443.469)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.040.000.000)	(3.040.000.000)
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	493.885.000	(6.831.972)	(16.474.526.117)	64.012.526.911
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	493.885.000	(6.831.972)	(16.474.526.117)	64.012.526.911
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	4.202.042.472	4.202.042.472
Số dư cuối kỳ	80.000.000.000	493.885.000	(6.831.972)	(12.272.483.645)	68.214.569.383

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	45.992.976.445	42.084.800.370
Doanh thu bán hàng hóa	724.426.447	1.487.468.745
Doanh thu bán thành phẩm	45.213.312.195	39.176.196.167
Doanh thu khác	55.237.803	1.421.135.458
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.287.000)	(4.295.781)
Giảm giá hàng bán	-	(4.295.781)
Hàng bán bị trả lại	(1.287.000)	-
Doanh thu thuần	45.991.689.445	42.080.504.589
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	724.426.447	1.487.468.745
Doanh thu thuần bán thành phẩm	45.212.025.195	39.171.900.386
Doanh thu thuần khác	55.237.803	1.421.135.458

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa	523.807.646	1.231.397.490
Giá vốn của thành phẩm	35.315.866.986	32.624.273.854
Giá vốn khác	75.554.141	1.447.181.587
Cộng	35.915.228.773	35.302.852.931

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.900.561	22.409.186
Cộng	9.900.561	22.409.186

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.438.524.290	2.025.517.696
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	527.913.643	222.832.117
Chi khác	168.729.209	-
Cộng	2.135.167.142	2.248.349.813

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	182.264.980	245.277.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.008.170.400	889.086.461
Chi phí khác	56.043.886	103.725.748
Cộng	1.246.479.266	1.238.089.929

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	938.846.740	739.193.500
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.250.562	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	178.077.982	157.549.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	357.519.107	279.798.323
Chi phí khác	282.113.714	432.449.695
Cộng	1.769.808.105	1.608.990.586

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.562.800	-
Thu khác	7.109.919	2.001.022
Cộng	8.672.719	2.001.022

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	3.013.146
Chi khác	61	-
Cộng	61	3.013.146

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.202.042.472	1.703.618.392
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.202.042.472	1.703.618.392
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.999.368	7.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	525	224

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.730.456.209	24.236.814.111
Chi phí nhân công	2.981.134.380	2.674.573.064
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.144.759.050	2.060.921.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.056.039.748	1.941.024.989
Chi phí khác	1.469.445.440	1.299.879.341
Cộng	36.381.834.827	32.213.212.702

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan*****Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Thu nhập của các thành viên này như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	118.500.000	118.500.000
Thù lao HĐQT	57.000.000	57.000.000
Cộng	175.500.000	175.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	Cổ đông và là công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	Cổ đông và là công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu thực vật	Cổ đông và là công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam		
Bán hàng	1.352.597.268	1.025.706.947
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam		
Bán hàng	33.720.155.561	24.521.875.724
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình		
Bán hàng	760.758.385	1.040.632.028
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An		
Bán hàng	3.157.328.720	5.691.801.947
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu thực vật		
Bán hàng	421.821.400	-
Tại ngày kết thúc quý, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam		
Tiền hàng phải thu	308.286.264	126.511.751
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam		
Tiền hàng phải thu	12.613.994.972	10.854.613.565
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình		
Tiền hàng phải thu	226.924.940	563.163.008
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An		
Tiền hàng phải thu	906.917.006	1.106.814.397
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu thực vật		
Tiền hàng phải thu	266.835.800	-
Cộng nợ phải thu	14.322.958.982	12.651.102.721

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá bán do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Các sai sót

Trong năm 2009, Công ty đã xem xét các vấn đề đã nêu trong Báo cáo kiểm toán năm 2008 và căn cứ kết quả kiểm toán năm 2009, Công ty thực hiện điều chỉnh trong báo cáo tài chính quý 1 năm 2010 của một số chỉ tiêu của quý 1 năm 2009 đã công bố.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót phát hiện được thể hiện ở Phụ lục đính kèm.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2010



Nguyễn Quang Phú
Kế toán trưởng

Lê Hoàng Vũ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Phụ lục : Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu kỳ trước

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu đã báo cáo	Chênh lệch	Ghi chú
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	50.424.375.778	77.354.446.306	(26.930.070.528)	
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3.706.809.884	3.706.809.884	-	
Tiền	111	3.706.809.884	3.706.809.884	-	
Các khoản tương đương tiền	112	-	-	-	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-	-	
Đầu tư ngắn hạn	121	-	-	-	
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	-	-	-	
Các khoản phải thu	130	19.434.320.909	19.434.320.909	-	
Phải thu của khách hàng	131	18.866.159.623	18.866.159.623	-	
Trả trước cho người bán	132	568.161.286	568.161.286	-	
Phải thu nội bộ	133	-	-	-	
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-	-	
Các khoản phải thu khác	135	-	-	-	
Dự phòng giảm giá phải thu khó đòi	139	-	-	-	
Hàng tồn kho	140	26.147.734.128	50.491.211.302	(24.343.477.174)	
Hàng tồn kho	141	26.361.193.463	50.704.670.637	(24.343.477.174)	(1)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(213.459.335)	(213.459.335)	-	
Tài sản ngắn hạn khác	150	1.135.510.857	3.722.104.211	(2.586.593.354)	
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	2.586.593.354	(2.586.593.354)	(2)
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	-	-	
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	-	-	
Tài sản ngắn hạn khác	158	1.135.510.857	1.135.510.857	-	
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	104.470.357.826	106.664.574.443	(2.194.216.617)	
Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-	
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-	-	
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-	-	
Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-	-	
Phải thu dài hạn khác	218	-	-	-	
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-	-	
Tài sản cố định	220	103.424.649.890	104.834.658.572	(1.410.008.682)	
Tài sản cố định hữu hình	221	95.705.986.736	97.115.995.418	(1.410.008.682)	
Nguyên giá	222	120.895.264.524	122.320.115.403	(1.424.850.879)	
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(25.189.277.788)	(25.204.119.985)	14.842.197	
Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-	
Nguyên giá	225	-	-	-	
Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-	-	
Tài sản cố định vô hình	227	7.674.163.154	7.674.163.154	-	
Nguyên giá	228	7.809.816.550	7.809.816.550	-	
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(135.653.396)	(135.653.396)	-	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	44.500.000	44.500.000	-	

Bất động sản đầu tư	240	-	-	-	
Nguyên giá	241	-	-	-	
Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-	-	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-	-	
Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-	
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-	-	
Đầu tư dài hạn khác	258	-	-	-	
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	-	-	-	
Tài sản dài hạn khác	260	1.045.707.936	1.829.915.871	(784.207.935)	
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.045.707.936	1.829.915.871	(784.207.935)	(3)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-	-	
Tài sản dài hạn khác	268	-	-	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	154.894.733.604	184.019.020.749	(29.124.287.145)	

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu đã báo cáo	Chênh lệch	Ghi chú
NỢ PHẢI TRẢ	300	95.909.387.160	95.172.166.355	737.220.805	
Nợ ngắn hạn	310	66.376.135.428	66.288.289.697	87.845.731	
Vay và nợ ngắn hạn	311	53.915.950.442	53.828.104.711	87.845.731	(4)
Phải trả người bán	312	10.396.642.351	10.396.642.351	-	
Người mua trả tiền trước	313	81.437.920	81.437.920	-	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.105.358.921	1.105.358.921	-	
Phải trả người lao động	315	483.680.000	483.680.000	-	
Chi phí phải trả	316	75.791.000	75.791.000	-	
Phải trả nội bộ	317	-	-	-	
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-	-	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	317.274.794	317.274.794	-	
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-	-	
Nợ dài hạn	330	29.533.251.732	28.883.876.658	649.375.074	
Phải trả dài hạn người bán	331	-	-	-	
Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-	-	
Phải trả dài hạn khác	333	-	-	-	
Vay và nợ dài hạn	334	29.533.251.732	28.883.876.658	649.375.074	(4)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-	-	
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-	-	
Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-	-	
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	58.985.346.444	88.846.854.394	(29.861.507.950)	
Vốn chủ sở hữu	410	58.985.346.444	88.846.854.394	(29.861.507.950)	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	76.000.000.000	76.000.000.000	-	
Thặng dư vốn cổ phần	412	4.493.885.000	4.493.885.000	-	
Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	-	
Cổ phiếu quỹ	414	-	-	-	
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	-	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	-	
Quỹ đầu tư phát triển	417	-	3.620.585.884	(3.620.585.884)	(5)
Quỹ dự phòng tài chính	418	-	194.521.483	(194.521.483)	(5)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(21.508.538.556)	4.537.862.027	(26.046.400.583)	(6)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-	-	
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	-	-	-	
Nguồn kinh phí	432	-	-	-	
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	154.894.733.604	184.019.020.749	(29.124.287.145)	

Chi tiêu	Mã số	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu đã báo cáo	Chênh lệch	Ghi chú
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	42.084.800.370	42.084.800.370	-	
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.295.781	4.295.781	-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	42.080.504.589	42.080.504.589	-	
Giá vốn hàng bán	11	35.302.852.931	36.280.675.696	(977.822.765)	(7)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	6.777.651.658	5.799.828.893	977.822.765	
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22.409.186	22.409.186	-	
Chi phí tài chính	22	2.248.349.813	2.418.995.404	(170.645.591)	(4)
Trong đó: chi phí lãi vay	23	2.025.517.696	2.025.517.696	-	
Chi phí bán hàng	24	1.238.089.929	1.238.089.929	-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.608.990.586	1.696.169.718	(87.179.132)	(7)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.704.630.516	468.983.028	1.235.647.488	
Thu nhập khác	31	2.001.022	2.001.022	-	
Chi phí khác	32	3.013.146	3.013.146	-	
Lợi nhuận khác	40	(1.012.124)	(1.012.124)	-	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.703.618.392	467.970.904	1.235.647.488	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	-	-	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.703.618.392	467.970.904	1.235.647.488	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	224		224	(8)

Chi tiêu	Mã số	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu đã báo cáo	Chênh lệch	Ghi chú
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ					
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận trước thuế	01	1.703.618.392	467.970.904	1.235.647.488	
Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	2.046.079.000	2.060.921.197	(14.842.197)	(9)
Các khoản dự phòng	03	213.459.335	213.459.335	-	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-	-	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	-	-	
Chi phí lãi vay	06	2.025.517.696	2.025.517.696	-	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.988.674.423	4.767.869.132	1.220.805.291	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.836.067.106	2.836.067.106	-	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.616.074.532)	(5.616.074.532)	-	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(4.331.011.315)	(4.331.011.315)	-	
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8.454.989.675	9.675.794.966	(1.220.805.291)	(10)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.025.517.696)	(2.025.517.696)	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-	-	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-	-	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(839.752.500)	(839.752.500)	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.467.375.161	4.467.375.161	-	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.761.087.808)	(2.761.087.808)	-	
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-	-	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-	-	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-	-	
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-	
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.761.087.808)	(2.761.087.808)	-	

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	-
Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.905.899.833	26.905.899.833	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(28.170.439.781)	(28.170.439.781)	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.264.539.948)	(1.264.539.948)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	441.747.405	441.747.405	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.265.062.479	3.265.062.479	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.706.809.884	3.706.809.884	-

Ghi chú:

- (1) : Thay đổi do điều chỉnh giảm sản phẩm dở dang, thành phẩm và từng thay thế.
- (2) : Thay đổi do điều chỉnh phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn.
- (3) : Thay đổi do điều chỉnh phân bổ chi phí trả trước dài hạn.
- (4) : Thay đổi do đánh giá chênh lệch tỷ giá số dư có gốc ngoại tệ cuối năm 2008 của khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn.
- (5) : Thay đổi do điều chỉnh giảm quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính vì lợi nhuận chưa phân phối sau điều chỉnh hồi tố bị âm.
- (6) : Thay đổi do bị ảnh hưởng của các điều chỉnh (1), (2), (3), (4) và (5).
- (7) : Thay đổi do điều chỉnh hàng tồn kho và điều chỉnh về phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn.
- (8) : Xem thuyết minh số VI.9.
- (9) : Thay đổi do điều chỉnh phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn và phụ tùng thay thế.
- (10) : Thay đổi do điều chỉnh phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn.


 Nguyễn Quang Phú
 Kế toán trưởng



Lê Hoàng Vũ
 Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2010